

# CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI - VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THU HƯƠNG\*

*Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đây chính là cơ hội và thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, trong đó có tận dụng được lợi thế, thu hút hiệu quả đầu tư nước ngoài, bảo đảm các lợi ích công cộng và sự phát triển bền vững của đất nước. Chính vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, bảo đảm cơ sở pháp lý, phòng ngừa, hạn chế rủi ro xảy ra tranh chấp khi thực hiện các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

*Từ khóa:* Lợi ích công cộng; cam kết quốc tế về đầu tư; nước tiếp nhận đầu tư; các biện pháp hạn chế; quyền của nhà đầu tư nước ngoài.

*Attracting foreign direct investment linked with sustainable development is a critical goal in Vietnam's socio-economic development strategy. This is both an opportunity and challenge, including effectively leveraging advantages to attract foreign investment, ensuring public benefits, and sustainable national development. Consequently, Vietnam needs to continually refine its laws, provide legal foundations, and prevent and limit risks of disputes when implementing measures restricting the rights of foreign investors.*

*Keywords:* Public interest; international commitments on investment; host country; restrictive measures; rights of foreign investors.

NGÀY NHẬN: 06/5/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/6/2024

NGÀY DUYỆT: 16/7/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.342.2024.900>

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam là thành viên của nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVIPA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...

trong đó bao gồm các cam kết về đầu tư. Các nhà đầu tư nước ngoài được hưởng nhiều quyền theo quy định pháp luật quốc gia và theo các cam kết quốc tế khi đầu tư tại Việt Nam. Chính vì vậy, Việt Nam đang phải đối mặt với việc hội nhập càng sâu, rộng thì các

\* TS, Viện Nhà nước và Pháp luật - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

lợi ích công cộng có thể bị ảnh hưởng do làn sóng đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, pháp luật quốc tế cho phép nước tiếp nhận đầu tư được thực hiện các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nếu các hoạt động đầu tư này ảnh hưởng đến lợi ích công cộng, như: an ninh quốc gia; đạo đức xã hội; sức khỏe cộng đồng, biến đổi khí hậu...

Thách thức đặt ra cho Việt Nam là phải cân bằng giữa lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài với lợi ích công cộng của quốc gia. Do đó, bảo vệ lợi ích công cộng phù hợp với các cam kết quốc tế về đầu tư là yếu tố quan trọng quyết định tính hiệu quả của biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài cũng như thể hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam. Bài viết tập trung phân tích: (1) Cơ sở pháp lý áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài theo FTAs thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên; (2) Thực trạng pháp luật Việt Nam về các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài và một số vấn đề pháp lý đặt ra đối với Việt Nam<sup>1</sup>.

## **2. Cơ sở pháp lý áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài theo các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên**

“Lợi ích công cộng” là một khái niệm quan trọng trong khoa học pháp lý để chỉ các lợi ích quan trọng của xã hội hay cộng đồng có giá trị cao hơn các lợi ích của cá nhân, tổ chức riêng lẻ. Lợi ích công cộng được quy định trong pháp luật đầu tư quốc tế nhằm tạo ra sự cân bằng giữa các lợi ích kinh tế của tư nhân và các lợi ích phi kinh tế của cộng đồng, xã hội. Tuy nhiên, cho đến nay, pháp luật đầu tư quốc tế không định nghĩa rõ ràng về khái niệm lợi ích công cộng và hầu hết các cam kết quốc tế truyền thống chỉ quy định về lợi ích công cộng như là cơ sở để Nhà nước thực hiện các biện pháp đặc biệt của Nhà nước đối với nhà đầu tư nước ngoài song lại không quy định cụ thể, rõ ràng. Do đó, đã trở thành

điểm gây tranh cãi trong các tình huống pháp lý khi xác định tính hợp pháp của biện pháp đặc thù được Nhà nước sử dụng nhằm can thiệp, hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài. Nhiều quan điểm cho rằng việc không quy định rõ ràng, vấn đề này sẽ dẫn tới khó khăn trong việc áp dụng quy định và gia tăng việc bảo vệ cho lợi ích tư nhân bất chấp cái giá phải trả cho lợi ích chung của cộng đồng<sup>2</sup>.

Mặc dù không có định nghĩa thống nhất về lợi ích công cộng theo các quy định của luật về đầu tư quốc tế nhưng theo từ điển chuyên ngành luật Black’s Law thì đó là lợi ích chung của công chúng, đạt được sự thừa nhận và bảo vệ; là điều mà toàn thể công chúng có quyền lợi. Lợi ích công cộng là một trong những ngoại lệ để các nước tiếp nhận đầu tư áp dụng biện pháp phòng vệ trước các tác động không mong muốn của đầu tư nước ngoài. Nói cách khác, các nước khi áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài có thể viện dẫn đến việc bảo vệ lợi ích công cộng để chống lại các khiếu kiện về việc vi phạm bảo hộ theo cam kết quốc tế về đầu tư nước ngoài, như: đối xử công bằng và bình đẳng; đối xử quốc gia (NT); đối xử tối huệ quốc (MFN); cam kết liên quan đến vấn đề tước đoạt quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài...

Theo nguyên tắc, một thuộc tính thiết yếu của nhà nước là “quyền trị an”, bao gồm tập hợp các quyền lực mang tính chủ quyền liên quan đến chính sách công, duy trì trật tự công cộng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường...<sup>3</sup>. Hệ quả của việc áp dụng quyền trị an là không bồi thường cho nhà đầu tư ngay cả khi biện pháp được thực hiện cấu thành tước đoạt gián tiếp. Trong FTAs thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, như: CPTPP, EVIPA, RCEP... chỉ quy định chung các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng vào ngoại lệ không áp dụng cũng như những ngoại lệ liên quan đến các nghĩa vụ bảo hộ cụ thể, mà không phân biệt đâu là các ngoại lệ để bảo vệ lợi ích công cộng và các loại lệ khác. Cụ thể:

Chương 29 CPTPP: Các ngoại lệ và điều khoản chung (Điều 29.1 - Điều 29.8) gồm: Điều 29.1: CPTPP về ngoại lệ chung; Điều 29.2: Ngoại lệ an ninh, Điều 29.3: Biện pháp phòng vệ tạm thời, Điều 29.4: Các biện pháp thuế; Điều 29.5: Các biện pháp kiểm soát thuốc lá, Điều 29.6: Hiệp ước Waitangi...

Chương 4 EVIPA quy định về ngoại lệ và điều khoản chung (Điều 4.5: Ngoại lệ thận trọng, Điều 4.6: Ngoại lệ chung; Điều 4.7: Ngoại lệ cụ thể; Điều 4.8: Ngoại lệ an ninh); Điều 3 Phụ lục 4 EVIPA đưa ra quy định trường hợp khi xét đến mục tiêu của các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư có ảnh hưởng quá nghiêm trọng và Chương 2, Chương 3 cũng quy định về ngoại lệ.

Chương 10 RCEP quy định về các ngoại lệ bảo vệ lợi ích công được xen kẽ trong các điều khoản về bảo lưu và các biện pháp không tương thích (Điều 10.8), Ngoại lệ an ninh (Điều 10.15) và Phụ lục III về bảo lưu và các biện pháp không tương thích trong dịch vụ, đầu tư.

Đặc biệt, FTAs nêu trên đều có quy định bằng cách dẫn chiếu Điều XX của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) để cân bằng quyền điều chỉnh chính sách của Nhà nước nhằm bảo vệ các giá trị quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững. Điều XX hiệp định GATT quy định 10 trường hợp ngoại lệ. Theo đó, các thành viên WTO có thể áp dụng bất kỳ biện pháp nào nhằm bảo vệ lợi ích xã hội, phi thương mại (Điều 29.1: CPTPP; Điều 2.22: EVFTA; Điều 17.12: RCEP).

Qua quy định trên cho thấy, các cam kết quốc tế về đầu tư “thế hệ mới” đều đề cao những giá trị phi kinh tế của lợi ích cộng đồng trong quan hệ pháp luật đầu tư quốc tế, vì đó là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển bền vững của xã hội; đồng thời cho thấy các nước ký kết không đặt việc bảo vệ đầu tư vượt lên trên tất cả các mục tiêu công cộng quan trọng khác. Việc cho phép áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài trong CPTPP, EVIPA và RCEP đều theo hướng cân

bằng lợi ích giữa quyền lợi chính đáng của nhà đầu tư nước ngoài và nhu cầu bảo vệ lợi ích công cộng của nước tiếp nhận đầu tư.

Như vậy, việc FTAs thế hệ mới có các quy định về điều khoản ngoại lệ chung và ngoại lệ về an ninh... là để các nước thành viên có thêm không gian điều hành chính sách. Trong trường hợp nếu bị khiếu kiện mà Hội đồng trọng tài đồng ý biện pháp bị khiếu nại là một trong các trường hợp ngoại lệ thì nước áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài không phải chịu trách nhiệm pháp lý cho việc vi phạm các cam kết về đầu tư<sup>4</sup>. Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp này phải tuân thủ các điều kiện và đáp ứng đúng các tiêu chí theo các cam kết trong FTAs.

### **3. Thực trạng pháp luật Việt Nam liên quan đến các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài**

Một trong những quyền năng thể hiện chủ quyền quốc gia và được thừa nhận trong pháp luật quốc tế là quyền ban hành, áp dụng và duy trì những quy định, chính sách để điều chỉnh các vấn đề kinh tế - xã hội của một nước. Theo đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 76 Luật Điều ước quốc tế năm 2016, để thực hiện các cam kết quốc tế Việt Nam sẽ không áp dụng trực tiếp các điều ước quốc tế mà sẽ thực hiện bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Cụ thể: hiện nay, cơ sở pháp lý chung cho việc thực hiện các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nhằm bảo vệ lợi ích công cộng của Việt Nam như sau:

*Hiến pháp* năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (khoản 3 Điều 54).

*Pháp lệnh Đối xử tối huệ quốc trong thương mại quốc tế* năm 2002: quy định ngoại lệ chung (Điều 5), ngoại lệ về đối xử tối huệ quốc trong thương mại hàng hóa (Điều 8), ngoại lệ về đối xử quốc gia (Điều 17).

*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020): quy định nguyên tắc xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật không làm cản trở việc thực hiện Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 5 Điều 5). Tuy nhiên, *Luật* này không có quy định cho việc thực thi các trường hợp ngoại lệ theo FTAs mà Việt Nam là thành viên.

*Luật Quản lý ngoại thương* năm 2017: quy định về các biện pháp về cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; tạm ngừng nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, quản lý giấy phép... (từ Điều 18 - 31), qua đó, xác định rõ vai trò quan trọng trong thương mại hàng hóa. *Luật* này là văn bản pháp luật quan trọng nhất quy định tập trung các biện pháp hạn chế thương mại của Việt Nam.

*Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020: đưa ra quy định cấm nhập khẩu, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức, cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc đã qua sử dụng để phá dỡ tái chế... (khoản 6, 7, 11 Điều 6). Ngoài ra còn có: *Luật Lâm nghiệp*, *Luật Đất đai*, *Luật Tài nguyên nước*... điều chỉnh các thành tố cụ thể về môi trường.

*Luật Chuyển giao công nghệ* năm 2017: quy định cấm chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước công nghệ trong các trường hợp: không đảm bảo sức khỏe con người,... tạo ra sản phẩm gây hậu quả xấu đến phát triển kinh tế - xã hội quốc phòng, an ninh... (Điều 11).

*Bộ luật Dân sự* năm 2015: xác định nguyên tắc là “việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng” (khoản 4 Điều 3); cùng với đó, trong nhiều điều khoản khác của *Bộ luật* này đề cao việc bảo vệ lợi ích công cộng trong xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự.

*Luật Thương mại* năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2019): quy định “Các bên

có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó” (khoản 1 Điều 1) và “Khuyến mại để tiêu thụ hàng hóa kém chất lượng, làm phương hại đến môi trường, sức khỏe con người và lợi ích công cộng khác” (khoản 6 Điều 100).

Điểm a khoản 4 Điều 29 *Luật Đầu tư* năm 2020 quy định: nhà đầu tư có quyền sử dụng đất, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật và đất đai.

Như vậy, với hệ thống các quy định liên quan về các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nêu trên cho thấy, tuy Việt Nam đã có các quy định chi tiết và cụ thể hơn cho các ngoại lệ về lợi ích công nhưng định nghĩa về lợi ích công cộng không được làm rõ cụ thể mà chỉ có quy định việc bảo vệ lợi ích công cộng bằng cách liệt kê một cách không đầy đủ về vấn đề này; pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể thì không quy định rõ ràng các trường hợp áp dụng liên quan đến bảo vệ lợi ích công cộng... Điều này sẽ dẫn đến những cách hiểu, giải thích khác nhau về lợi ích công cộng trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài cũng như thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Tính đến nay, Việt Nam là nguyên đơn trong một số vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, như: (1) Trịnh Vĩnh Bình với Việt Nam (năm 2004); (2) McKenzie với Việt Nam (năm 2010); (3) Dialasie với Việt Nam (2011), (4) Recofi với Việt Nam (năm 2013). Trong đó, vụ Trịnh Vĩnh Bình (năm 2004) đã kết thúc với kết quả hòa giải ngoài trọng tài và chấp nhận thỏa thuận bồi thường, có thể được xem là biện pháp liên quan đến lợi ích công cộng do có hành vi vi phạm nghiêm trọng chế độ quản lý đất đai và pháp luật hình sự của Việt Nam; còn 3 vụ việc



nêu trên thì kết quả giải quyết đều theo hướng có lợi cho Việt Nam. Và Việt Nam không có vụ tranh chấp nào liên quan tới Điều XX Hiệp định GATT.

#### **4. Một số vấn đề pháp lý đặt ra**

Hiện nay, với các quy định về bảo vệ lợi ích công cộng, Việt Nam sẽ khó bảo đảm tính hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, việc Việt Nam cần sửa đổi, bổ sung cụ thể các quy định pháp luật liên quan vừa phù hợp với xu hướng phát triển của pháp luật đầu tư quốc tế vừa bảo vệ các lợi ích chung để bảo vệ các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Việc xác định lợi ích công cộng và mục đích bảo vệ lợi ích công cộng của nước tiếp nhận đầu tư có ý nghĩa quan trọng trong việc miễn trừ trách nhiệm của quốc gia khi thực hiện một biện pháp gây thiệt hại cho nhà đầu tư nước ngoài. Vậy, để tạo ra sự thống nhất và chặt chẽ hơn cho việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam cần:

*Thứ nhất, xây dựng cơ sở pháp lý để bảo đảm thực hiện hiệu quả các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

Cần rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy định pháp luật liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế về đầu tư trong FTAs theo hướng: nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung có các quy định liên quan nhằm mở rộng hơn về phạm vi đối với các trường hợp cần thiết được coi là bảo vệ lợi ích công cộng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ quyền cơ bản của con người, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, đạo đức xã hội để có thể áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Cụ thể: (1) Căn cứ vào các nội dung cam kết quốc tế về lợi ích công cộng làm cơ sở pháp lý khi xây dựng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; (2) Quy định cụ thể, nhất quán những trường hợp ngoại lệ nhằm bảo vệ lợi ích công

cộng nhưng không mang tính phân biệt đối xử. Nhất quyết phải quy định rõ ràng cụ thể hơn cho các quy định về lợi ích công cộng nhằm tránh hiểu và áp dụng sai khi ban hành các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài; (3) Cần bảo đảm sự cân bằng, hợp lý khi ban hành các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; từ đó tạo ra một giải pháp giúp giải quyết các xung đột giữa các nguyên tắc và giá trị khác nhau; (4) Việc ban hành biện pháp phải được thực hiện đúng trình tự thẩm quyền và minh bạch với mục đích chính đáng và phù hợp, đúng thẩm quyền, chặt chẽ về mặt pháp lý; (5) Cách thức áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải phù hợp với các cam kết quốc tế về đầu tư nói chung và trong FTAs nói riêng. Điều này thể hiện thiện chí của Việt Nam khi thực hiện các cam kết quốc tế; (6) Để áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng mà tránh rủi ro bị kiện, Việt Nam cần phải chứng minh được tính phù hợp, cần thiết, chính đáng và cơ sở khoa học của việc ban hành các chính sách, quy định và các biện pháp áp dụng; từ đó hạn chế tối đa khiếu kiện của nhà đầu tư nước ngoài; (7) FTAs quy định áp dụng báo cáo đã được thông qua của Ban Hội Thẩm, Cơ quan phúc thẩm WTO được quy định tại khoản 3 Điều 28.12 CPTPP, Điều 15.21, khoản 2 Điều 19.4 RCEP, do đó, cần nghiên cứu vận dụng báo cáo này về giải quyết tranh chấp liên quan đến Điều XX hiệp định GATT khi tham gia giải quyết tranh chấp tại FTAs mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ hai, nâng cao năng lực cơ chế tổ chức thực hiện các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

Xây dựng một chế định pháp luật về bảo vệ lợi ích công cộng bảo đảm tương thích với các cam kết FTAs và cho dù có hoàn thiện đến mấy cũng không thực sự hiệu quả nếu các thiết chế áp dụng pháp luật hoạt động không tốt.

Mục tiêu áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nhằm bảo vệ lợi ích công cộng chỉ thực sự có ý nghĩa khi các biện pháp này được áp dụng hiệu quả trên thực tế. Nâng cao năng lực cơ chế áp dụng pháp luật là vấn đề then chốt để bảo đảm việc thực hiện một cách hiệu quả các biện pháp này cũng như hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý phải đối mặt, như bị các nước đối tác FTAs kiện do vi phạm cam kết. Do đó, tính hoàn thiện và hiệu lực của các cơ quan liên quan đến việc áp dụng các biện pháp này là vô cùng quan trọng. Đó là cơ sở quan trọng để tạo lập các thủ tục pháp lý gắn với thiết chế và quy trình cụ thể trong việc áp dụng các biện pháp cũng như tạo điều kiện để các chủ thể liên quan phối hợp, hỗ trợ thực hiện.

Bên cạnh đó, cần tăng cường nâng cao năng lực cán bộ; tăng cường nâng cao nhận thức cho các nhà hoạch định chính sách, cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, bảo đảm có đầy đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khi thực thi pháp luật.

*Thứ ba, xây dựng kênh giám sát việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài.*

Giám sát đánh giá rủi ro trong quá trình thực hiện các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài là việc quan trọng nhằm bảo đảm tính hiệu quả khi áp dụng các biện pháp này. Do đó, cần xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ để thực hiện các cam kết về bảo vệ lợi ích công cộng theo FTAs đạt hiệu quả cao và đúng lộ trình. Đồng thời, cần duy trì và tăng cường năng lực cơ chế giám sát thực hiện, nhằm ngăn ngừa từ xa các khiếu kiện không đáng có.

### 5. Kết luận

Với việc là thành viên của FTAs, Việt Nam có nghĩa vụ bảo hộ đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài và khoản đầu tư của họ theo các cam kết về đầu tư. Bên cạnh đó, việc áp dụng hiệu quả các trường hợp ngoại lệ theo các cam kết về đầu tư sẽ cung cấp cho Việt Nam một công cụ bảo hộ hợp pháp và chủ động.

Bởi trong các vụ tranh chấp đầu tư liên quan đến bảo vệ lợi ích công cộng rất tốn kém và phức tạp. Để áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài nhằm bảo vệ lợi ích công cộng mà không cần phải bồi thường cũng như tránh việc bị khiếu kiện thì việc hiểu, nắm vững các trường hợp ngoại lệ FTAs nói riêng cũng như các cam kết quốc tế về đầu tư nói chung, có thể giúp Việt Nam vận dụng để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của mình □

### Chú thích:

1. Bài viết thuộc nghiên cứu của Viện Nhà nước và Pháp luật về Đề tài cấp cơ sở “*Các biện pháp hạn chế quyền của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật quốc tế*”. Hà Nội, 2024.

2. UNCTAD (2008). *International Investment Rule-making: Stocktacking, Challenges and the Way Forward*, United Nations Publication, 2008, tr. 90 - 92.

3. Catharine Titi (2014). *The Right to Regulate in International Investment Law*, Hart Publishing, 2014, tr. 281.

4. Wei Wang, “*The Non - Precluded Measure Type Clause in International Investment Agreements: Significances, Challenges, and Reactions*”, *ISCID Review* 32, no 2 (2017), tr. 447 - 449.

5. Mads Andeas, Stefan Zleptnig (2007) *Proportionality: WTO law: In Comparative Prerspective*, *Texas International Law Journal* 42, no.3, page 275 - 278.

### Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2021). *Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020*.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

3. PLO (2014). “*Bật mí*” vụ kiện quốc tế đầu tiên Việt Nam thắng lợi. <https://vietnamnet.vn>, ngày 04/6/2014.

4. Nguyễn Thanh Tuân (2017). *Vụ kiện Trịnh Vinh Bình vs. Chính phủ Việt Nam: Một số nhận định sơ bộ*. <https://nghiencuuquocte.org>, ngày 04/9/2017.